

TRUYỆN CỔ DÂN GIAN CHĂM VÀ KHMER NAM BỘ - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ ĐỀ TÀI

PHẠM TIẾT KHÁNH^{*}

Tóm tắt: Nghiên cứu truyện cổ các dân tộc cùng cộng cư trong khu vực Nam Bộ là việc làm cần thiết, luôn mang đến những khám phá bất ngờ. Bài viết tiếp cận truyện cổ dân gian Chăm và Khmer dưới góc độ đề tài để cung cấp những điểm gặp gỡ và khác biệt về phạm vi hiện thực được đề cập đến trong truyện cổ dân gian của hai dân tộc, nơi lưu giữ được nhiều dấu ấn về cuộc sống tinh thần và vật chất của người Chăm và Khmer với nhiều màu sắc, hình hài sống động và phong phú.

Từ khóa: Truyện cổ dân gian, đề tài, Nam Bộ

Abstract: Studying folktales of ethnic groups living in southern Vietnam is a critical work, which potentially offers groundbreaking findings. The article examines subjects of Cham and Khmer folktales in the aim of pointing out their similarities and differences in presenting the reality of the two ethnic groups. This paper argues that the folktales represent colorful, vivid, and generous material and mental lives of the Cham and Khmer people.

Keywords: folktale, topic, southern Vietnam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó, văn hóa các dân tộc thiểu số có vị trí quan trọng, góp phần định hình, bồi đắp nên tính đa dạng trong bản sắc văn hóa Việt Nam. Văn hóa dân gian Chăm và Khmer có một bề dày lịch sử và đều đã trải qua nhiều thăng trầm. Trong đó, truyện cổ dân gian Chăm và Khmer là một bộ phận của văn hóa dân gian, gắn bó khăng khít với đời sống sinh hoạt, lao động và văn hóa của cộng đồng. Người Chăm, Khmer có một kho tàng truyện cổ dân gian độc đáo và phần nào là đáng đáp của lịch sử, của văn hóa dân tộc Chăm và Khmer. Tuy nhiên hiện nay, việc nghiên cứu và tiếp cận tư liệu đối với truyện cổ Chăm và Khmer vẫn chưa thật sự sôi động

và tương xứng với giá trị của nó. Trong các hướng nghiên cứu, tiếp cận truyện cổ Chăm và Khmer Nam Bộ dưới góc độ đề tài là hướng đi phù hợp để bước đầu có thể soi chiếu vào nhau những hiện tượng cuộc sống được phản ánh trong từng tác phẩm để qua đó khẳng định những sắc thái riêng của truyện cổ dân gian Chăm và Khmer.

1. Tổng quan về dân tộc Chăm và dân tộc Khmer Nam Bộ

Dân tộc Chăm và Khmer là hai trong số các dân tộc có nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hóa Ấn Độ. Trong đó, dấu ấn Phật giáo, Balamon giáo; dấu ấn của hai bộ sử thi vĩ đại *Ramayana* và *Mahabharata* đối với đời sống văn hóa của người Chăm và người Khmer rất đậm nét.

Trong suốt thời gian từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ X, người Chăm đã lập quốc và tạo

^{*} PGS.TS. - Trường Đại học Trà Vinh,
Email: ptkhanhtv2000@gmail.com,

dựng cho mình một nền văn hóa phong phú, độc đáo, rực rỡ một thời. Theo dòng lịch sử, cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, một bộ phận người Chăm ở Campuchia tìm về cư trú ở An Giang và Tây Ninh cùng với một bộ phận người Chăm đã an cư trước đó. Sau những năm 30-40 của thế kỷ XX, do chiến tranh ở vùng biên giới Tây Nam nên một bộ phận người Chăm ở đây đã di cư đến lập nghiệp ở Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn [6]. Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2009, người Chăm ở Việt Nam có tổng cộng 161.729 người; trong đó 128.938 người tức 79,7% cư trú ở Trung Bộ, và 32.791 người tức 20,3% cư trú ở Nam Bộ. Theo Phú Văn Hân, dựa trên vùng cư trú, người Chăm ở Việt Nam thường được phân chia thành ba nhóm cộng đồng: Chăm Hroi, Chăm Panduranga và Chăm Nam Bộ [5, tr.16-19]. Nhóm Chăm Panduranga là bộ phận đông nhất, gồm 102.437 người, cư trú ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng. Nhóm Chăm Nam Bộ có dân số 32.791 người, hầu hết theo đạo Islam, cư trú ở An Giang, thành phố Hồ Chí Minh, và rải rác ở Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Kiên Giang,... Nhóm thứ ba là Chăm Hroi (hay Haroi, Bahnar Chăm) theo vật linh giáo, gồm 26.501 người, cư trú ở vùng núi Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, Khánh Hòa, Đắk Lắk [7, tr.103]. Cộng đồng Chăm ở Nam Bộ ngày nay cùng chung nguồn gốc với người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận, và là con cháu của cư dân vương quốc Champa cổ. Hầu hết người Chăm ở Nam Bộ đều theo tôn giáo Islam. Islam vốn đã xuất hiện trong cộng đồng Chăm từ thế kỉ IX (dựa vào văn bia bằng chữ Jawi ở Phan Rang) [4, tr.42]. Người Chăm Nam Bộ tuân thủ nghiêm các giáo lý, các nghi lễ và những kiêng kỵ của Islam chính thống. Bên cạnh đó, người Chăm hiện nay không theo đạo Phật, nhưng Phật giáo đã từng được du nhập và để lại

dấu ấn trong xã hội Chăm cũng như trong đời sống văn hóa Chăm. Những dấu tích đầu tiên chứng tỏ có tôn giáo này trong đời sống văn hóa của người Chăm là trong các ghi chép của người Trung Hoa đến nước Champa vào thế kỷ VII [1, tr.277].

Tuy không có những ngôi tháp hùng vĩ như người Chăm ở miền Trung, nhưng ở vùng người Chăm Nam Bộ có rất nhiều thánh đường lớn có lối kiến trúc độc đáo riêng. Người Chăm cư trú quay quần bên cạnh những thánh đường Islam (Masjid hoặc Surau). Họ cư trú tập trung thành từng nhóm gia đình có quan hệ với nhau như cùng huyết thống, cùng quê, cùng đơn vị cư trú theo Palei, theo Jammaah. Palei của người Chăm ở Nam Bộ gắn với hình thái các Jammaah. Tên gọi các Jammaah này cũng do người Chăm Nam Bộ tự đặt trên cơ sở các tên gọi các thánh đường nơi họ cư trú. Người Chăm theo chế độ mẫu hệ, con gái Chăm hỏi và cưới chồng về nhà mình ở. Đàn ông Chăm cư trú theo vợ, lao động làm ra của cải vật chất nhưng không quản lí tài sản và không có mấy quyền hành trong gia đình vợ. Thực chất, người đàn ông Chăm đi lấy vợ vẫn là thành viên trong dòng họ mẹ, có vai trò quan trọng trong dòng họ mẹ và lúc chết được đem về nghĩa địa dòng mẹ chôn.

Người Chăm có truyền thống gắn kết từ buổi đầu cư trú. Trong Jammaah của người Chăm Nam Bộ, các thành viên liên kết với nhau rất chặt chẽ. Tính cộng đồng Jammaah đã làm cho người Chăm cùng hướng đến nhiệm vụ chung của cộng đồng, trở thành một đặc trưng khá tiêu biểu của cộng đồng Chăm. Trong các dân tộc cộng cư ở Nam Bộ, người Chăm ít thay đổi dù sống hòa đồng trong môi trường đa văn hóa. Ngoài đặc trưng cư trú riêng biệt, người Chăm còn có tôn giáo; có cách ăn, cách mặc, cách sinh hoạt đặc thù. Chính

những đặc thù này đã giúp người Chăm bảo lưu khá vững chắc những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đặc biệt là trong xu thế hội nhập ngày nay.

Người Chăm ngày nay vẫn còn dấu vết những tín ngưỡng xa xưa thời nguyên thủy qua các chứng cứ: Sự phân biệt dòng Núi (Atuw Cek) và dòng Biển (Atuw Tathih), Tín ngưỡng phồn thực; luyện các loại bùa ngải,... Cũng như một số tộc người khác ở Đông Nam Á, tín ngưỡng thật sự bền vững và sâu sắc của người Chăm là tình cảm gắn bó với tổ tiên. Về lễ hội, người Chăm còn có rất nhiều hội lễ dân gian gắn liền với các hoạt động của đời sống nông nghiệp. Đó là các lễ: Rija Nugar (lễ cầu xin thần mẹ xứ sở và các vị thần linh phù hộ), lễ Mbeng Yang (lễ khai mương đắp đập), lễ Pasah (lễ cầu đảo thần Sóng biển), lễ Yang (lễ cầu mưa), lễ Katé (một trong những lễ lớn nhất tổ chức để tưởng nhớ ông bà tổ tiên và các vị anh hùng dân tộc),...

Hình thành trong chiếc nôi của vùng Đông Nam Á, cùng tồn tại và phát triển song song với các tộc người khác nhau của khu vực, người Chăm cổ tất yếu tiếp thu nhiều luồng văn hóa, tạo nên tín ngưỡng đa nguyên và hỗn dung nhưng bên cạnh những nét chung của khu vực, tộc người Chăm vẫn có những nét riêng biệt của dân tộc mình và cùng với các tộc người khác tạo nên một vùng văn hóa đa dạng mà thống nhất.

Về tộc người Khmer, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Nam bộ nói riêng và lịch sử Việt Nam nói chung cho thấy người Khmer là một bộ phận hợp thành của cộng đồng đa dân tộc, đa văn hóa Việt Nam. Theo Nguyễn Khắc Cảnh, từ thế kỉ X trở đi những người dân Khmer nghèo ở Campuchia khi tìm cách trốn chạy sự bóc lột và nạn lao dịch hà khắc, nặng

nề đã di cư về vùng châu thổ sông Cửu Long (Tây Nam Bộ) [12, tr.218]. Hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long là nơi tụ cư lớn nhất cả nước của người Khmer với trên 1,3 triệu người phân bố không đều ở các tỉnh trong khu vực [11, tr.22].

Nét văn hóa đặc trưng mà chúng ta dễ nhận thấy nhất của đồng bào Khmer Nam Bộ là các lễ hội. Trong năm, người Khmer có rất nhiều lễ hội, kể cả lễ hội Phật giáo và lễ hội dân gian. Trong đó, ba lễ hội dân gian quan trọng nhất của người Khmer là Lễ Mừng năm mới (Chol chnam thmay), Lễ Cúng ông bà (Sen dolta) và Lễ Cúng trăng (Ok om bok). Ngoài ba lễ hội dân gian quan trọng kể trên, người Khmer còn có rất nhiều lễ hội bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian như: Lễ cắt tóc trả ơn mẹ, Lễ giáp tuổi, Lễ lên nhà mới, Lễ xúc hồn, Lễ nhập thần, Lễ cúng sân lúa, Lễ cúng tổ, Lễ chúc thọ, Lễ cầu an, Lễ dâng phước, Lễ dâng bông,...

Về tín ngưỡng - tôn giáo, người Khmer vốn có tín ngưỡng dân gian riêng, cộng thêm một phần niềm tin từ Ấn Độ giáo và đời sống gắn liền với Phật giáo nên có thể nói đời sống hiện hữu của người Khmer gắn liền với đời sống tâm linh, đời sống tôn giáo. Trong nền văn hóa của người Khmer, vai trò của Phật giáo, của những ngôi chùa Khmer, của sư sãi luôn chi phối mạnh mẽ thế giới quan, nhân sinh quan, tập quán, lễ nghi và lối sống của cả tộc người. Từ thế kỷ XII trở về trước, đạo Bà La Môn được xem là tôn giáo chính, còn Phật giáo tuy du nhập vào vùng dân tộc Khmer khá sớm, nhưng mãi đến thế kỷ XII trở về sau mới trở thành tôn giáo chính. Là một tộc người mà đời sống chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tôn giáo, nên ngoài các lễ hội dân gian, các lễ hội bắt nguồn từ Phật giáo được đồng bào Khmer tổ chức khá trang trọng. Ngày nay Phật giáo Nam tông Khmer vẫn giữ một vai trò, vị trí quan trọng trong đời

sống tinh thần của người Khmer. Đối với đồng bào Khmer, từ người trẻ đến người già, từ lúc sinh ra cho đến lúc mất đi đều gắn bó với Phật giáo, với ngôi chùa. Tư tưởng Phật giáo đã tác động trực tiếp đến suy nghĩ, thái độ ứng xử, hành động trong cuộc sống hàng ngày của đồng bào Khmer và còn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tác động đến tất cả các hoạt động lễ hội, phong tục của người Khmer.

Một trong những đặc điểm văn hóa đặc sắc đáng lưu ý của người Khmer nữa là khuynh hướng biểu diễn và nghệ thuật tạo hình. Trong đó, múa, hát và sân khấu là nét nổi bật trong nghệ thuật biểu diễn của đồng bào Khmer. Âm nhạc nghệ thuật dân gian Khmer thể hiện một cách duyên dáng những tình cảm tế nhị, những khía cạnh thâm thúy của cuộc sống, những tư tưởng, quan niệm cùng lối tư duy và cách ứng xử của người Khmer đối với tự nhiên, con người, xã hội. Các điệu múa của người Khmer rất đa dạng và phổ biến. Hầu như người Khmer nào cũng biết múa một vài điệu múa dân gian như *Râm vông*, *Lâm lêu*, *Sarvan*, *Sarikakev*, múa trống *Chhayam*,....

Đa số nhà nghiên cứu cho rằng hôn nhân cư trú bên vợ là hiện tượng phổ biến, được người Khmer yêu thích từ xưa. Điều này phản ánh những dấu vết xa xưa của chế độ mẫu hệ trong đời sống văn hóa của người Khmer. Bên cạnh hình thức hôn nhân, dấu vết mẫu hệ cũng được lưu lại trong ngôn ngữ, văn học cổ của người Khmer.

Như vậy, ở Nam Bộ, dân tộc Chăm và Khmer đã bảo lưu rất tốt những đặc trưng trong văn hóa truyền thống của tộc người mình, góp phần tạo nên tính đa dạng trong thống nhất của bản sắc văn hóa Việt Nam. Người Khmer quần tụ trong các phum sóc được thiết lập lâu đời trên các giồng đất

cao, bao quanh các ngôi chùa Phật giáo Nam Tông giữa những hàng cây sao cao vút. Với nền văn hóa Islam, người Chăm Nam Bộ cố gắng giữ chặt lấy văn hóa cho cộng đồng cũng như giữ chặt lấy tôn giáo của họ trong không gian có Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa giáo, Tin Lành và sau này có thêm các tôn giáo mới,... Tuy nhiên, theo Nguyễn Hùng Khu, trong quá trình cộng cư, người Khmer và Chăm nói riêng đã có những sự tương đồng “không chỉ thể hiện trong: lao động sản xuất, trong ăn mặc, trong các phong tục tập quán tang ma, cưới xin, xây cất nhà ở, thờ cúng tổ tiên, mà còn biểu hiện trong các truyền thuyết dân gian, trong các loại hình nghệ thuật” [11, tr.24].

2. Tình hình tư liệu, nghiên cứu truyện cổ dân gian Chăm và Khmer Nam Bộ

Đối với các dân tộc thiểu số, do đặc thù của điều kiện sinh hoạt, vai trò chuyển tải đời sống vật chất, tinh thần lẫn lịch sử phát triển của các dân tộc càng được thể hiện rõ rệt hơn. Nhưng thực tế cho thấy nghiên cứu văn học dân gian các dân tộc thiểu số sẽ gặp những khó khăn nhất định, nhất là rào cản ngôn ngữ. Vì vậy thành tựu nghiên cứu văn học cổ các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc Chăm và Khmer nói riêng dù được quan tâm nhiều hơn nhưng cũng còn nhiều khó khăn và hạn chế.

Tính từ lần đầu tiên xuất hiện trong *Lĩnh Nam chí chích quái* ở thế kỉ XIV, thì quá trình sưu tầm và nghiên cứu truyện cổ Chăm thực sự bắt đầu từ thế kỷ XIX với tác phẩm *Contes Tjames* (Truyện kể Chăm) do A. Landes sưu tầm, viết lại bằng tiếng Pháp, in tại Sài Gòn năm 1886 [14, tr.2]. Từ đó đến nay, đã có một số công trình của người Pháp cũng như của người Việt nghiên cứu ghi chép về các phong tục, nghi lễ và văn học truyền miệng dân

tộc Chăm ra đời. Trong thời gian gần đây, những công trình như: *Truyện cổ Chăm* (1978) của Phạm Xuân Thông, Thiên Sanh Cảnh, Nông Quốc Thắng, Lục Ngưu sưu tầm và biên soạn, *Truyện cổ Chăm* (1986) của Trịnh Hồng Lan, Nguyễn Thị Tư, Anh Đức sưu tầm,... đã bước đầu phác thảo một diện mạo tương đối rõ ràng hơn, thu hút hơn về văn học cổ Chăm.

Ngoài ra, việc nghiên cứu truyện cổ Chăm được quan tâm, xem xét trên các góc độ, tuy nhiên chủ yếu là nghiên cứu từng vấn đề riêng lẻ, công bố rải rác trên một số tạp chí. Trong các nghiên cứu, truyện cổ Chăm được khảo sát từ các góc độ văn bản để đưa ra những nhận định chung giá trị nội dung và nghệ thuật; khảo sát từ góc độ so sánh, chủ yếu với truyện cổ người Việt để tìm ra sự khác biệt, khẳng định sự phong phú của truyện cổ Chăm trong bối cảnh đa dân tộc ở Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu kiểu truyện cũng là hướng nghiên cứu được quan tâm trong nghiên cứu truyện cổ Chăm thời gian gần đây. Những cái tên đã có những đóng góp quan trọng khám phá những giá trị văn học và văn hóa của truyện cổ Chăm như Văn Đình Hy, Vũ Lang, Phan Đăng Nhật, Nguyễn Tấn Đắc, Trần Thị An, Nguyễn Thị Thu Vân,...

Nhưng có thể nói đến khi *Văn học Chăm, Khái luận* gồm 3 tập của Inrasara ra đời từ năm 1994 - 1995, thì "lần đầu tiên văn học Chăm được thống kê các thể loại, những tác phẩm tiêu biểu, và những phán đoán về thời kì ra đời của chúng" (*Lời giới thiệu* của Nguyễn Tấn Đắc). Trong tác phẩm, Inrasara đã đề cập hầu như toàn bộ văn học Chăm, từ văn học dân gian đến văn học Chăm hiện đại. Về truyện cổ Chăm, tác giả đề cập đến Damnury (thần thoại, truyền thuyết), Dalikal (chuyện cổ tích). Ngoài ra, trong quyển *Văn hóa - xã hội Chăm, nghiên cứu & đối thoại* (2003), Inrasara

cũng đã cung cấp những tư liệu xã hội, văn hóa Chăm có giá trị. Riêng về nghiên cứu truyện cổ Chăm, tác phẩm có những bàn luận đáng chú ý như: *Văn học Chăm mấy vấn đề sưu tầm - nghiên cứu; Xung quanh việc công bố Akayet Deva Murno, đặt lại vấn đề nghiên cứu văn học cổ Champa...*

Từ những khái quát trên có thể thấy, với 17 thế kỷ của nền văn học dân tộc Champa đặc sắc và phong phú, chúng ta sẽ không thể chỉ với vài góp nhặt có thể tổng kết được hết thành tựu và giá trị của nó. Chỉ có thể nói rằng, văn học Chăm nói chung, truyện cổ Chăm nói riêng như chính con người Chăm, gần gũi, giản dị nhưng cũng thật huyền bí, đặc sắc mà khoa học các thế hệ sẽ vẫn mãi mê khám phá.

Về văn học Khmer, cũng như văn học các dân tộc khác, truyện cổ dân gian Khmer có tính tương đồng loại hình cao. Những nghiên cứu về truyện cổ dân gian Khmer thời gian qua tập trung vào công tác sưu tầm, nghiên cứu văn bản, và gần đây chú ý hơn đến việc nghiên cứu theo hướng tiếp cận liên ngành, nghiên cứu bối cảnh,... Dấu mốc quan trọng trong việc nghiên cứu truyện dân gian Khmer là sự ra đời tập *Truyện cổ Khơ Me Nam Bộ* do Huỳnh Ngọc Trảng sưu tầm (Nxb. Văn hóa, 1983; Hội Văn học Nghệ thuật Cửu Long tái bản, 1987). Đây là công trình đầu tiên tập trung nghiên cứu về văn học dân gian của người Khmer ở Nam Bộ. Về sau những tài liệu sưu tầm *Chuyện kể Khơ Me* (1999) của Sơn Phước Hoan - Sơn Ngọc Sang, *Chuyện kể Khơ Me* (1999) của Sơn Wang và Lâm Es đã cung cấp thêm một số truyện dân gian Khmer khá mới mẻ, làm cho việc nghiên cứu đối tượng này thêm sinh khí mới. Ngoài ra, những công trình sưu tập như *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long* (1999), *Văn học dân gian Sóc Trăng* (2002), *Văn học dân gian Bạc Liêu* (2005),... đã góp phần làm phong phú

thêm kho tàng truyện cổ dân gian Khmer Nam Bộ.

Bên cạnh công tác sưu tầm, những nghiên cứu về văn học dân gian Khmer nói chung và truyện dân gian nói riêng gần đây đã có bước phát triển đáng kể với các công trình của Huỳnh Thanh Tuấn, Phạm Tiết Khánh, Huỳnh Vũ Lam,... Trong đó, truyện dân gian Khmer đã được các nhà nghiên cứu tiếp cận từ góc độ thi pháp thể loại đến đặc trưng nội dung; từ góc độ văn hóa học đến góc nhìn so sánh; và gần nhất là tiếp cận theo bối cảnh. Tuy chưa có những nghiên cứu qui mô về truyện dân gian Khmer nhưng văn học dân gian Khmer nói chung, truyện dân gian nói riêng đã thật sự dành được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, hứa hẹn một tương lai gần về sự sôi động và đa dạng trong nghiên cứu truyện dân gian Khmer.

Như vậy, văn học cổ Khmer, Chăm có những đặc điểm tương đồng về những giá trị cũng như đã đạt được những thành tựu bước đầu trong công tác sưu tầm, nghiên cứu dưới các góc độ và đã có những gợi ý quan trọng cho những hướng nghiên cứu tiếp theo.

3. Tìm hiểu truyện cổ dân tộc Chăm và Khmer Nam Bộ từ góc độ đề tài

Khi nghiên cứu truyện cổ dân gian Chăm và Khmer từ góc độ này chúng tôi gặp không ít khó khăn. Trước tiên là số lượng truyện cổ Chăm và truyện cổ Khmer được các nhà nghiên cứu sưu tầm hiện nay chưa phải là nhiều. Đặc biệt đối với thể loại thần thoại và truyền thuyết Chăm; thần thoại Khmer. Dựa vào những văn bản truyện hiện có, chúng tôi vẫn nhận ra những đề tài rất tiêu biểu của folklore thể giới và khu vực. Bên cạnh sự phổ quát ấy, chúng ta vẫn nhận ra những điểm riêng biệt, độc đáo, cái làm nên bản sắc tộc người Chăm và Khmer ở Nam Bộ.

3.1. Về đề tài truyện cổ dân gian Chăm

Kho tàng văn học cổ truyện Chăm có đầy đủ các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao, hát lễ, hát ru, hát giao duyên, trường ca,... Trong đó, truyện cổ Chăm chứa đựng nhiều nét văn hóa đặc trưng, khơi gợi thế giới khác lạ. Mỗi câu chuyện hấp dẫn mang một thông điệp giản dị mà sâu sắc của cổ nhân Chăm để lại cho hậu thế. Người đọc sẽ luôn được phát hiện thêm những điều mới mẻ thú vị từ những câu chuyện dài ngắn khác nhau, dù thân quen hay lạ lẫm,...

Theo Inrasara trong *Văn hóa - Xã hội Chăm Nghiên cứu & Đối thoại* (2003), truyện cổ Chăm có khoảng 100 truyện được sưu tầm với các thể loại thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích. Truyện cổ Chăm có quan hệ với các truyện Ấn Độ (thần thoại về các thần), quan hệ giao lưu với truyện cổ Việt (nhiều mô típ và kiểu truyện giống nhau) và phản ánh bản sắc, tính cách và tâm hồn Chăm. Còn theo Nguyễn Thị Thu Vân, để phục vụ cho nghiên cứu của mình, tác giả đã tập hợp được “236 bản kể, trong đó có 118 đơn vị truyện, 53 bản kể là các dị bản của các đơn vị truyện, 65 bản còn lại là những bản kể gần như hoàn toàn giống nhau của các đơn vị truyện. Trong 118 đơn vị truyện có 3 thần thoại, 6 truyền thuyết, 72 truyện cổ tích thần kì, 19 truyện cổ tích sinh hoạt và 18 truyện cổ tích loài vật” [14, tr.32].

Những truyện cổ Chăm có thể xếp vào thể loại thần thoại, hiện là những mảnh vụn sau khi bị thất truyền, còn được lưu giữ không nhiều. Do không được ghi chép lại ngay từ khi mới ra đời nên các câu chuyện chỉ được kể lại qua lời truyền tụng của nhân dân, có khi được ghi chép lại trong thư tịch cổ của các gia đình nhưng phần nhiều đã bị pha tạp, chấp nối. Hiện

thần thoại suy nguyên Chăm có *Sự tích con gà gáy sáng*, thần thoại lịch sử Chăm có *Nữ thần Po Inur Nargar*.

Thần thoại Chăm thể hiện những quan niệm cổ xưa của người Chăm về vũ trụ, tự nhiên. Đồng thời qua các truyện này, người Chăm thể hiện niềm tin tôn giáo nguyên thủy của mình như tôn vinh thờ cúng các vị thần Mặt trời, Mặt trăng,... Thần thoại Chăm cũng mang đặc trưng về motif thần thoại rất đặc trưng trong folklore thế giới và khu vực. Những mảnh ghép các huyền thoại về thời kì khai thiên lập địa làm cho ta hình dung một kích thước kì vĩ, hoành tráng vừa có tính bản địa, vừa có tính nhân loại phổ quát của thần thoại Chăm. Điều này chứng tỏ người Chăm có cùng một trình độ tư duy, cùng một cơ tầng văn hóa với các tộc người không chỉ trong khu vực Đông Nam Á mà cả trên toàn thế giới.

Dấu gạch nối giữa thần thoại và truyền thuyết Chăm là tiểu loại truyền thuyết thần thoại. Trong đó, nếu thần thoại Chăm là bức tranh đời sống của một thời xa xưa thì truyền thuyết lại tái hiện vẻ đẹp của đời sống tâm linh, lối tư duy có tính triết lí của người Chăm cổ, làm vụng lại những bước chân của lịch sử, in lại dấu vết thăng trầm và tồn vong của một vương quốc đã đi vào huyền thoại. Truyền thuyết Chăm được phân thành hai tiểu loại: Truyền thuyết thần thoại và truyền thuyết lịch sử. Nét bao quát nhất của truyền thuyết thần thoại là những truyện kể dân gian nhằm lí giải sự hình thành của vương quốc, của một phong tục tín ngưỡng nào đó. Được nhào nặn từ cảm hứng huyền thoại, những truyền thuyết này mang đậm màu sắc thần thoại như *Truyền thuyết về Po Inur Nargar*, *Truyền thuyết Kaundynia*, *Sự tích núi Đá trắng*. Còn truyền thuyết lịch sử nói chung, truyền thuyết lịch sử Chăm bao gồm những truyện kể về những sự kiện

lịch sử nhưng chủ yếu vẫn là những nhân vật lịch sử. Nội dung chính của nhóm truyền thuyết này là kể lại công đức của các vị vua đối với đất nước và tộc người như *Sự tích tháp Po Klaong Girai*, *Sự tích tháp Po Romé*, *Po Sah Inur (Bà Tranh)*.

Truyền thuyết Chăm vốn gắn liền với lịch sử hình thành nhà nước Champa, quá trình thâm nhập ảnh hưởng của các tôn giáo tín ngưỡng, trong đó đặc biệt đề cao những người anh hùng đứng đầu vương quốc, những người có công với tộc người. Tất cả những điều đó còn thể hiện rõ nét ở hệ thống các motif tiêu biểu như: thụ thai và sinh đẻ thần kỳ, cây (cây thần thiêng, cây bán mệnh), người hóa thân vào gỗ, trở về cõi vĩnh hằng thành thần, cống mạng cho thần, thi xây tháp, con voi, con rồng, trâu cau.

Về truyện cổ tích Chăm, các nhà nghiên cứu phân chia thành ba tiểu loại chính, dù ranh giới của nó không phải lúc nào cũng rõ ràng: *Truyện cổ tích thần kỳ*, *Truyện cổ tích sinh hoạt*, *Truyện cổ tích loài vật*.

Truyện cổ tích thần kỳ là bộ phận tiêu biểu nhất của thể loại truyện cổ tích đồng thời là một trong những bộ phận quan trọng của kho tàng truyện cổ mỗi dân tộc nói chung. Đối với truyện cổ Chăm và Khmer cũng vậy, tiêu biểu như *Kajong và Halek*, *Nàng Kadiêng*, *Sọ Dừa*, *Con cá bóng vẩy vàng*, *Chiếc cầu vòng hóa đá*, *Thằng mặc khổ*,... Những đề tài quen thuộc của cổ tích thần kỳ Chăm là đề tài về thân phận, đời sống của người bất hạnh trong xã hội; đồng cảm, bênh vực cho những con người thiệt thòi, thấp kém; thể hiện ước mơ của dân gian về một sự công bằng, bình đẳng cho mọi người. Còn truyện cổ tích sinh hoạt, truyện cổ tích loài vật Chăm chiếm tỷ lệ thấp hơn nhiều so với cổ tích thần kỳ. Kết cấu các truyện thường ngắn hơn, ít tình tiết hơn. Truyện cổ tích sinh hoạt của

dân tộc Chăm có hai kiểu truyện chủ yếu là kiểu truyện về người thông minh và loại truyện răn dạy đạo đức. Trong truyện cổ tích loài vật Chăm, hai con vật hay được nhắc đến là chú thỏ tinh khôn và con hổ độc ác ngu ngốc. Nội dung truyện thường phản ánh cuộc đấu trí giữa những con vật nhỏ yếu nhưng tinh khôn với những con vật hùng mạnh nhưng độc ác và ngu ngốc. Cốt truyện và kết cấu thường đơn giản, lời kể giản dị mộc mạc, hồn nhiên.

3.2. Về đề tài truyện cổ dân gian Khmer

Người Khmer có một kho tàng văn học dân gian phong phú và độc đáo. Qua một số tư liệu về văn học dân gian Khmer Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy, người Khmer đã có ý thức phân biệt từng thể loại dựa vào mục đích sáng tác, chẳng hạn như Rương bồ ran (truyện cổ), Rương ni tiên (truyện kể) và Rương pi đom (truyện đời xưa). Cụ thể hơn, người Khmer đã có những tên gọi để chỉ các nhóm truyện theo đề tài mà nhóm truyện đó phản ánh.

Ở những thần thoại Khmer đầu tiên, ta thấy được tư duy chất phác, hồn nhiên nhưng cũng đầy lãng mạn của người Khmer khi cho rằng hiện tượng sấm sét là cuộc tranh ngọc giữa một nàng tiên xinh đẹp và một con chằn, hay các mâu thuẫn giữa các hiện tượng tự nhiên như gió, mưa, sấm sét, mặt trăng, mặt trời có nguồn gốc từ những mâu thuẫn gia đình (*Sự tích Mưa, Gió, Mặt trời và mặt Trăng, Chuyện Rĩa hu,...*). Ngoài khát vọng giải thích các hiện tượng tự nhiên, khát vọng chiến thắng các hiện tượng tự nhiên, thần thoại Khmer còn phản ánh ước mơ hồn nhiên, giản dị của người Khmer về việc giảm nhẹ sức lao động, mong ước đời sống người dân được ấm no, yên ổn. Cũng như thần thoại của các dân tộc khác, thần thoại của người Khmer hiện cũng bị tàn mạt nhiều.

Người Khmer Nam Bộ không có sử thi đúng nghĩa của từ này, nhưng họ có vốn truyền thuyết dân gian khá phong phú. Đó là các truyền thuyết sáng tạo văn hoá, truyền thuyết về các vị tổ nghề, các lễ hội, về các địa danh, như *Preas-pt-Xnô-Ka, Sự tích Chôl Chnam Thmây, Truyền thuyết về lễ Ok Om Bok, Sự tích Ao Bà Om (Trà Vinh), Sự tích Vũng Thơm (Sóc Trăng), Sự tích vùng đất Tà Lọt,...* Đặc biệt, qua sưu tầm, chúng tôi phát hiện thêm một dạng truyền thuyết mới thể hiện tinh đoàn kết của ba dân tộc Khmer, Kinh, Hoa cùng cộng cư trên vùng đất Nam Bộ, chẳng hạn các truyện *Kinh và Khmer là hai anh em, Người Khmer và người Hoa là anh em*. Điểm nổi bật của truyền thuyết người Khmer là những đề tài đặc trưng mang đậm bản sắc địa phương và tộc người của mình. Đó là những truyền thuyết nhằm giải thích các sự kiện văn hoá, những truyền thuyết nhằm giải thích tên đất, tên sông. Truyền thuyết người Khmer toát lên vẻ hồn nhiên trong việc thể hiện nhận thức của mình về vùng đất mới và sáng tạo nên những con người mới. Trong các nhóm truyền thuyết của người Khmer, chúng tôi nhận thấy nhóm truyền thuyết về phong tục có cốt truyện, có kết cấu khá chặt chẽ và mang nhiều yếu tố huyền ảo hơn. Còn mảng truyền thuyết địa danh và truyền thuyết về tinh đoàn kết dân tộc lại gần với hiện thực hơn.

Như cổ tích các dân tộc khác, cổ tích người Khmer là một bức tranh sinh động, nhiều màu sắc về xã hội xưa. Ở đó, mọi hành động anh hùng, mọi lý tưởng nhân văn và mọi thói hư, tật xấu, mọi đức tính từ thật thà, dũng cảm, đến hèn nhát, gian trá và dâm loạn đều được tác giả dân gian ghi lại trong những câu chuyện của mình. Chính vì đề tài phản ánh đa dạng và phong phú mà số lượng các truyện cổ tích của người Khmer trong loại tự sự dân gian là lớn nhất. Cũng

như cổ tích thể giới, truyện cổ tích Khmer được chia thành ba nhóm: cổ tích thần kỳ (*Châu Sanh-Châu Thông, Niêng Kòn-tuốc, Niêng chông-ăng-kam, Niêng mô-rô-nắc-mê-đa* (Cô gái mồ côi mẹ),...); cổ tích sinh hoạt (*Sự tích con Sam, Sự tích hoa sen và bướm, Tát biển, Ai mua cha không?, Bạn tốt và người vợ ngoại tình, Đốt chồi cứu mạng, Sây Khor-mây, Hai ông quan và người tử tù,...*); cổ tích loài vật (*Bướm và sâu, Rùa bắt chước khi, Con đại bàng của thần Siva,...*). Hai tiểu loại đầu xoay quanh những đề tài quen thuộc với những motif quen thuộc như hôn nhân, di ghê con chồng, mâu thuẫn giữa hai anh em trong gia đình về việc chia của, motif dũng sĩ cứu người đẹp, người mang lột xấu xí,... còn tiểu loại thứ 3 hướng tới giải thích đặc điểm của những con vật quen thuộc.

Như vậy có thể thấy, truyện cổ tích thần kỳ, cổ tích sinh hoạt Khmer có nhiều type và motif quen thuộc của cổ tích thần kỳ và sinh hoạt thể giới, của các dân tộc cùng cộng cư ở vùng Nam Bộ như truyện dũng sĩ diệt yêu quái, truyện người con riêng, người mồ côi, người em út,... Tác giả dân gian Khmer đã linh hoạt vận dụng sáng tạo trí tuệ nhân loại vào những câu chuyện kể của mình để tạo nên tính hấp dẫn, đồng thời cũng thể hiện được tinh thần, tâm hồn rất riêng của người Khmer. Ngoài ra, truyện cổ tích Khmer còn mang đậm dấu ấn Phật giáo ở cả phương diện nội dung và nghệ thuật, và thường phá vỡ khuôn khổ cốt truyện cổ tích thường thấy để đưa người đọc thoát khỏi lối mòn quen thuộc, mời gọi sự khám phá mới bởi sự thâm nhập của nhiều thể loại vào nó.

Tóm lại, từ những khái quát trên, chúng tôi rút ra những đặc điểm chung về truyện cổ dân gian Chăm và Khmer Nam Bộ từ góc độ đề tài như sau.

- Thần thoại Chăm và Khmer Nam Bộ đều không còn giữ được đầy đủ hệ thống nhưng nhìn chung cũng đã phản ánh được hiện thực xã hội, tư tưởng, tâm hồn của dân tộc thời cổ xưa. Những vấn đề cơ bản thường có trong thần thoại của loài người đều được phản ánh trong thần thoại hai dân tộc. Qua thần thoại người Chăm và Khmer chúng ta tìm thấy những motif suy nguyên về các hiện tượng tự nhiên. Đó là những motif thể hiện tín ngưỡng nguyên thủy, tôn giáo, phong tục của nhân loại nói chung và người Chăm, người Khmer nói riêng. Tuy đã thất lạc, vỡ vụn và biến tướng nhiều nhưng thần thoại Chăm và Khmer Nam Bộ vẫn còn giữ lại khá nhiều hình tượng kỳ vĩ, nhiều chi tiết sống động, hấp dẫn, những cảm nghĩ hồn nhiên mà độc đáo, những thủ pháp nghệ thuật có giá trị. Đó là những hình ảnh mang đậm dấu ấn của thiên nhiên Nam Bộ, là trí tưởng tượng dồi dào, độc đáo và giàu chất sáng tạo của hai dân tộc.

- Truyền thuyết Chăm và Khmer là sự phản chiếu một cách trung thực và sinh động điều kiện lịch sử - xã hội - văn hóa truyền thống của hai dân tộc. Từ ý thức về cộng đồng, về nguồn gốc dân tộc, biết ơn; từ tín ngưỡng, lễ nghi vốn có, hình tượng rồng, hình tượng voi, hình tượng trâu cau,... Ngoài sự tương đồng về nội dung ca ngợi công cuộc chinh phục thiên nhiên, mở rộng đất đai, truyện cổ Chăm, Khmer còn thiên về khẳng định khát vọng tự do - dân chủ. Mặt khác, nếu như đề tài - cốt truyện của truyền thuyết Khmer ít chịu ảnh hưởng của Phật giáo, Bà La Môn giáo thì truyền thuyết Chăm ngoài ảnh hưởng của Bà La Môn giáo còn có những ảnh hưởng của Hồi giáo và đây đó là ảnh hưởng của Phật giáo.

- Cổ tích thần kỳ Chăm, Khmer Nam Bộ mang những sắc diện và dấu vết của thời kỳ xã hội có giai cấp, phản ánh tâm tư, nguyện

ước, khát khao về lễ công bằng và những quan niệm thẩm mỹ đạo đức của dân tộc.

4. Kết luận

Dân tộc Chăm và Khmer có nền văn hóa đặc sắc, lại giữ được nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, lẽ dĩ nhiên, trong kho tàng truyện cổ dân gian phong phú ấy sẽ chứa đựng những giá trị văn hóa tộc người độc đáo. Qua đề tài của truyện cổ Chăm, truyện cổ Khmer Nam Bộ, chúng ta bắt gặp hình ảnh con người và văn hóa Chăm, Khmer. Đó là hình ảnh những con người hiền lành, cần cù, chất phác, trung thực. Họ chăm chỉ lao động để tạo dựng cuộc sống của mình. Họ sống nhân ái, biết coi trọng cái đẹp - cái thiện, biết căm giận cái xấu - cái ác. Đó là những con người thông minh, giàu trí tưởng tượng lãng mạn. Đó là hai dân tộc có một truyền thống dung hòa các yếu tố văn hóa ngoại sinh trong đó có sự dung hòa các tôn giáo từ bên ngoài tới, cải biến chúng cho phù hợp với nền văn hóa bản địa của mình và còn hòa trộn các yếu tố của các tôn giáo khác nhau vào cùng một tôn giáo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Xuân Biên (Chủ biên, 1991), *Văn hoá Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tấn Đắc (2001), *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên, 2006), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Tái bản, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Phú Văn Hãn (2003), *Cơ cấu ngữ âm và chữ viết tiếng Chăm Việt Nam và tiếng Melayu Malaysia*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Khoa học xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Phú Văn Hãn (Chủ biên) (2005), *Đời*

sống văn hóa và xã hội người Chăm thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

- [6] Phú Văn Hãn (2015), “Giá trị văn hóa Chăm khu vực Nam Bộ”, <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-cac-dan-toc>
- [7] Lý Tùng Hiếu (2014), “Những ảnh hưởng của văn hóa Chăm đối với văn hóa Việt và dấu ấn trong ngôn ngữ”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, Tập 17, số X2.
- [8] Inrasara (1994), *Văn học Chăm I – Khái luận*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [9] Inrasara (2003), *Văn hóa xã hội Chăm nghiên cứu và đối thoại*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [10] Phạm Tiết Khánh (2007), *Khảo sát truyện dân gian Khơ Me Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [11] Nguyễn Hùng Khu (2012), *Hôn nhân và gia đình của người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [12] Nhiều tác giả (2000), *Văn hóa Nam Bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [13] Hoàng Phê (Chủ biên, 2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Thị Thu Vân (2005), *Khảo sát truyện cổ dân tộc Chăm*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.